

Số: /QĐ-UBND

Tuyên Quang, ngày tháng 4 năm 2024

## QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt đơn giá sản phẩm dịch vụ sự nghiệp công:  
Quản lý, bảo trì đường bộ các tuyến đường đô thị trên địa bàn thị trấn  
Vĩnh Lộc, huyện Chiêm Hoá, tỉnh Tuyên Quang, năm 2024**

### ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Giá ngày 20/6/2012 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Giá;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014; Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17/6/2020;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 26/5/2015 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10/4/2019 của Chính phủ quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí thường xuyên;

Căn cứ Thông tư số 17/2019/TT-BLĐTBXH ngày 06/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn xác định chi phí tiền lương, chi phí nhân công trong giá, đơn giá sản phẩm, dịch vụ công sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước do doanh nghiệp thực hiện;

Căn cứ Thông tư số 39/2020/TT-BGTVT ngày 31/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn phương pháp xây dựng phương án giá, quản lý giá dịch vụ sự nghiệp công quản lý, bảo trì kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ và dịch vụ vận hành khai thác bến phà đường bộ trên hệ thống quốc lộ sử dụng nguồn kinh phí chi thường xuyên của ngân sách trung ương khi thực hiện phương thức đặt hàng;

Căn cứ Thông tư số 44/2021/TT-BGTVT ngày 31/12/2021 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Định mức Quản lý, bảo dưỡng thường xuyên đường bộ;

Căn cứ Quyết định số 06/2017/QĐ-UBND ngày 20/6/2017 của UBND tỉnh ban hành quy định quy trình lập, thẩm định phương án giá, thẩm quyền, trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị trong việc lập, thẩm định phương án giá; phân

*cấp quản lý giá đối với hàng hoá, dịch vụ thuộc thẩm quyền quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang;*

*Căn cứ Quyết định số 1434/QĐ-UBND ngày 09/10/2020 của UBND tỉnh về Ban hành danh mục dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước thuộc lĩnh vực xây dựng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang;*

*Căn cứ Quyết định số 12/2023/QĐ-UBND ngày 12/7/2023 của UBND tỉnh về việc quy định hệ số điều chỉnh tăng thêm tiền lương để làm cơ sở xác định chi phí tiền lương, chi phí nhân công trong giá, đơn giá sản phẩm, dịch vụ công sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước do doanh nghiệp thực hiện trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Văn bản số 236/TTr-SXD ngày 26/01/2024,*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt đơn giá sản phẩm dịch vụ sự nghiệp công như sau:

1. Tên dịch vụ: Quản lý, bảo trì đường bộ các tuyến đường đô thị trên địa bàn thị trấn Vĩnh Lộc, huyện Chiêm Hoá, tỉnh Tuyên Quang, năm 2024.

2. Địa điểm thực hiện: Thị trấn Vĩnh Lộc, huyện Chiêm Hoá, tỉnh Tuyên Quang.

3. Nguồn vốn: Ngân sách tỉnh năm 2024.

4. Thời gian thực hiện: Năm 2024.

5. Chủ đầu tư: Ủy ban nhân dân huyện Chiêm Hoá.

6. Đơn giá phê duyệt: Chi tiết theo biểu đính kèm.

**Điều 2.** Ủy quyền cho Ủy ban nhân dân huyện Chiêm Hoá phê duyệt dự toán/dự toán điều chỉnh thực hiện dịch vụ sự nghiệp công Quản lý, bảo trì đường bộ các tuyến đường đô thị trên địa bàn quản lý năm 2024 sau khi có kết quả thẩm định của Sở chuyên ngành với nguyên tắc giá trị dự toán phê duyệt không được vượt dự toán ngân sách tỉnh đã giao và chịu trách nhiệm trước pháp luật về Quyết định của mình.

**Điều 3.** Giao trách nhiệm

1. Ủy ban nhân dân huyện Chiêm Hoá và các cơ quan, đơn vị có liên quan căn cứ nội dung tại Điều 1 Quyết định này tổ chức thực hiện theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

2. Các sở: Xây dựng, Giao thông vận tải, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư; Kho bạc nhà nước Tuyên Quang theo chức năng, nhiệm vụ có trách nhiệm theo dõi, đôn đốc, hướng dẫn Ủy ban nhân dân huyện Chiêm Hoá thực hiện nội dung tại Quyết định này đảm bảo chặt chẽ, đúng quy định của pháp luật.

**Điều 4.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các sở: Xây dựng, Giao thông vận tải, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư; Giám đốc Kho bạc Nhà nước Tuyên Quang, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Chiêm Hoá và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

***Nơi nhận:***

- Chủ tịch UBND tỉnh (b/c);
- Các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Như Điều 4; (thi hành)
- Các Phó CVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, ĐTXD. (TPL)

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Mạnh Tuấn**

## BẢNG TỔNG HỢP

**Đơn giá dịch vụ sự nghiệp công: Quản lý, bảo trì đường bộ các tuyến đường đô thị trên địa bàn thị trấn Vĩnh Lộc, huyện Chiêm Hoá, tỉnh Tuyên Quang, năm 2024**

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày /4/2024 của UBND tỉnh Tuyên Quang)

ĐVT: Đồng

STT	Mã hiệu	Tên công tác	Đơn vị	Đơn giá trình phê duyệt
<b>I</b>		<b>Quản lý đường</b>		
1	QLD.10120	Tuần đường	km/tháng	549.598
2	QLD.10410	Trục bảo lũ	km/năm	1.782.691
3	QLD.10630	Quản lý hành lang an toàn đường bộ và đầu nối - miền núi	km/ năm	478.564
<b>II</b>		<b>Bảo dưỡng thường xuyên nền đường, lề đường và thoát nước</b>		
1	BDD.22310	Nắn sửa cọc tiêu, cọc MLG, cột thủy chí...	cọc	20.640
2	BDD.22410	Nắn sửa cột Km	cột	41.278
3	BDD.22510	Nắn chỉnh, tu sửa biển báo	cột	74.301
4	BDD.22610	Thay thế, bổ sung cột biển báo	cột	1.269.090
5	BDD.20520	Phát quang cây cỏ bằng thủ công	km/ lần	4.540.601
6	BDD.20430	Cắt cỏ bằng máy	km/ lần	38.038
7	BDD.21312	Vệ sinh mặt đường bằng thủ công	lần/km	1.549.648
8	BDD.203110	Bạt lề đường bằng thủ công	m	7.430
9	BDD.206222	Vét rãnh hờ chữ nhật bằng thủ công	m	8.021
10	BDD.206121	Vét rãnh hờ hình thang bằng máy	m	7.220
11	BDD.21110	Thông cống, thanh thải dòng chảy (cống f >=1m)	m	80.904
12	BDD.21120	Thông cống, thanh thải dòng chảy (cống f <=1m)	m	68.934
13	BDD.21417	Láng nhựa mặt đường rạn chân chim, mặt đường bong tróc, Láng nhựa một lớp, nhựa 1,5 kg/m <sup>2</sup> , tưới nhựa bằng thủ công	m <sup>2</sup>	50.219
14	BDD.21423	Láng nhựa mặt đường rạn chân chim, mặt đường bong tróc, Láng nhựa 2 lớp, nhựa 3 kg/m <sup>2</sup> , tưới nhựa bằng thủ công	m <sup>2</sup>	96.321
15	BDD.22010	Sơn biển báo, cột biển báo 2 nước	m <sup>2</sup>	60.234
16	BDD.22120	Sơn cột Km	m <sup>2</sup>	228.868
17	BDD.22210	Sơn cọc tiêu, cọc MLG, cột thủy chí...	m <sup>2</sup>	212.774

STT	Mã hiệu	Tên công tác	Đơn vị	Đơn giá trình phê duyet
18	BDD.21644	Vá ổ gà, cọc găm, lún cục bộ mặt đường bằng đá dăm nhựa, Chiều dày mặt đường đã lên ép 7cm	m <sup>2</sup>	245.696
19	BDD.20110	Đắp phụ nề, lề đường	m <sup>3</sup>	953.181
20	BDD.202110	Đào hút đất sứt bằng thủ công	m <sup>3</sup>	185.751
21	BDD.20712	Vét rãnh kín bằng thủ công	m	16.089
22	BDD.21641	Vá ổ gà, cọc găm, lún cục bộ mặt đường bằng đá dăm nhựa, Chiều dày mặt đường đã lên ép 4cm	m <sup>2</sup>	206.487
23	BDD.21642	Vá ổ gà, cọc găm, lún cục bộ mặt đường bằng đá dăm nhựa, Chiều dày mặt đường đã lên ép 5cm	m <sup>2</sup>	219.940
24	BDD.21643	Vá ổ gà, cọc găm, lún cục bộ mặt đường bằng đá dăm nhựa, Chiều dày mặt đường đã lên ép 6cm	m <sup>2</sup>	230.390
25	AB.11323	Đào móng đất cấp III để xây rãnh, bằng thủ công	m <sup>3</sup>	504.810
26	AB.41413	Vận chuyển đất bằng ô tô tự đổ 5T, phạm vi ≤1000m - Cấp đất III	m <sup>3</sup>	29.476
27	AF.11111	Bê tông lót móng rãnh, M150	m <sup>3</sup>	1.237.429
28	AF.11212	Bê tông móng rãnh, M200	m <sup>3</sup>	1.421.175
29	AE.31113	Xây thành rãnh bằng gạch không nung, M75	m <sup>3</sup>	2.044.362
30	AK.21123	Trát thành rãnh dày 1,5cm, XM M75	m <sup>2</sup>	134.484
31	AF.61511	Lắp dựng cốt thép mũ mố, tấm đan	kg	23.800
32	AF.12312	Bê tông mũ mố, tấm đan, M200	m <sup>3</sup>	2.050.935
33	AG.31311	Ván khuôn gỗ mũ mố, tấm đan	m <sup>2</sup>	115.334
34	AB.13111	Đắp đất hoàn mang K=0,9	m <sup>3</sup>	215.796
35	AB.27103	Đào móng rãnh thoát nước bằng máy đào 0,4m <sup>3</sup> - Cấp đất III	m <sup>3</sup>	42.542
36	AB.27113	Đào móng rãnh thoát nước bằng máy đào 0,8m <sup>3</sup> - Cấp đất III	m <sup>3</sup>	38.865

*Ghi chú: Đơn giá trên áp dụng mức thuế giá trị gia tăng 8% theo quy định tại Nghị định số 94/2023/NĐ-CP ngày 28/12/2023 của Chính phủ quy định chính sách giảm thuế giá trị gia tăng theo Nghị quyết số 110/2023/QH15 ngày 29/11/2023 của Quốc hội, thời hạn áp dụng từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/6/2024, do đó sau khi Nghị định số 94/2023/NĐ-CP ngày 28/12/2023 của Chính phủ hết hiệu lực, trường hợp có sự thay đổi về mức thuế giá trị gia tăng, đề nghị chủ đầu tư thực hiện điều chỉnh theo quy định.*

